TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 8 – 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực – Cà Mau tham gia phiên tòa**:* Bà Nguyễn Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D (nay là ấp A, xã B1, tỉnh D1).

Bị đơn: Ông Hứa Văn Lủng, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã LD, huyện C, tỉnh D (nay là ấp T, xã LD, tỉnh D1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày: Bà L và ông Hứa Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Trong nhiều năm chung sống, bà L cảm thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc do ông L1 không chăm sóc vợ, con và

cũng không lo làm ăn phát triển kinh tế chung của gia đình. Bên cạnh đó, ông L1 còn thường xuyên uống rượu, khi về đến nhà là kiếm chuyện đánh, mắng bà L và các con. Bà L đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông L1 không sửa đổi dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì nên cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2025. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L1.

Về con chung, bà L và ông L1 chung sống với nhau sinh được hai người con chung là Hứa Chí L, sinh ngày 16/3/2001 và Đinh Cẩm L, sinh ngày 14/02/2019. Do L đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà L không đặt ra yêu cầu gì. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông L1 chung sống không có tạo lập được tài sản chung, không phát sinh nợ chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Hứa Văn L: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông L1 đến Tòa án, nhưng ông L1 không đến, cũng như không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án, từ đó không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông L1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà L và ông L1 không phải là vợ chồng; về con chung là Hứa Chí L, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Đinh Cẩm L, sinh ngày 14/02/2019 cho bà L tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông L1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Hứa Văn L1; hiện ông L1 đang cư trú tại ấp T, xã LD, tỉnh D1 nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình làm việc, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L1 được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L1.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2000, bà L và ông L1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân không hợp pháp. Bà L cho rằng trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L1. Phía ông L1 được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc nên ông L1 không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh tại địa phương, xác định được tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà L và ông L1 là có xảy ra trên thực tế, thể hiện từ việc cả bà L và ông L1 đều thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong quá trình sống chung dẫn đến đời sống chung không thể duy trì nên hiện tại cả hai đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, do bà L và ông L1 không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản… được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình"*. Do vậy, Tòa án không công nhận bà L và ông L1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà L và ông L1 chung sống có hai người con chung là Hứa Chí L, sinh ngày 16/3/2001 và Đinh Cẩm L, sinh ngày 14/02/2019. Bà L xác định, hiện nay L đã thành niên, không bị khiếm khuyết về tinh thần và thể chất, có khả năng lao động nên bà L không đặt ra yêu cầu gì. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Đinh Cẩm L, kể từ khi bà L và ông L1 sống ly thân với nhau, cháu L vẫn luôn được bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay cháu đã có cuộc sống ổn định. Bản thân ông L1 cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu L, có cơ sở giao cháu L cho bà L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà L không yêu cầu ông L1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định giữa bà L và ông L1 không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ông L1 cũng không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà L phải nộp 300.000 đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006887 ngày 12 tháng 6 năm 2025, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) nên được chuyển thu án phí.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đinh Thị L và ông Hứa Văn L1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Cẩm L, sinh ngày 14/02/2019 cho bà Đinh Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Đinh Cẩm L đang sống chung với bà Đinh Thị L.

Bà Đinh Thị L không yêu cầu ông Hứa Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông Hứa Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Đinh Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006887 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Huỳnh Ngọc Nhiều